

Bản án số 37/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2018

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thuận
2. Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* Bà **Mai Thị P, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số nhà 448/75/4A đường A, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng, (có mặt).

** Bị đơn:* Ông **Đoàn Văn T**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số nhà K1/7 đường D, tổ 35 phường E, quận G, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Mai Thị P trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Mai Thị P và ông Đoàn Văn T chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân

trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông T lúc say xỉn hay đánh đập vợ con, mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được chính quyền địa phương can thiệp hòa giải nhưng mọi việc vẫn không được giải quyết. Hai người đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Nay bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đoàn Văn T.

- *Về con chung*: Bà Mai Thị P xác định có 01 con chung là Đoàn Quỳnh A, sinh ngày 02.01.2012. Ly hôn, bà P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Mai Thị P xác định không có.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đoàn Văn T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà P về thời gian và điều kiện kết hôn. Ông T và bà P sống chung với nhau từ năm 2007 nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà P thường xuyên đi làm về trễ, ông T có ý kiến thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Nay bà P có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, ông T xác định mâu thuẫn của hai vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, ông vẫn còn tình cảm với bà P nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho cả hai được đoàn tụ.

- *Về con chung*: Ông T xác định ông và bà P có 01 con chung là Đoàn Quỳnh A, sinh ngày 02.01.2012. Do có nguyện vọng được đoàn tụ nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Do có nguyện vọng được đoàn tụ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình cho bà Mai Thị P được ly hôn ông Đoàn Văn T và giao con chung là cháu Đoàn Quỳnh A, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2012 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa bà Mai Thị P và ông Đoàn Văn T là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn quận Thanh Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn là ông Đoàn Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T

theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị P và ông Đoàn Văn T kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong suốt quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và đến nay vẫn không khắc phục được, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay không ai có trách nhiệm gì với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đoàn Văn T cũng thừa nhận vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn nhưng ông yêu cầu được đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù Tòa án đã thực hiện cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông T có mặt tại Tòa án nhưng ông T nhiều lần vắng mặt không có lý. Điều này cho thấy ông T không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm đối với bà P. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu được đoàn tụ của ông T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà P và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà P đối với ông T là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà P ông T có 01 con chung là cháu Đoàn Quỳnh A, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2012. Hiện cháu Đoàn Quỳnh A đang được bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Qua xác minh thì thấy ông T hiện đang có một người con riêng là Đoàn Nguyễn Tâm Q, sinh năm 1995, người con này hiện đang sống cùng ông T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đoàn Quỳnh A cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Thị P xác định không có, ông T không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ bà Mai Thị P phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Mai Thị P về việc "Ly hôn" đối với ông Đoàn Văn T.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị P được ly hôn ông Đoàn Văn T.
- Về con chung: Giao cháu Đoàn Quỳnh A, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2012 cho bà Mai Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (18 tuổi). Ông Đoàn Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Mai Thị P phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu số 8050 ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Mai Thị P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Vĩnh Trung;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Ngọc Cường